



Số : 02/2023/ PGT-KTTC

(Giải trình biến động kết quả kinh doanh Báo cáo tài chính năm 2022 sau khi kiểm toán so với báo cáo công ty lập và cùng kỳ năm trước)

TP,HCM 31 tháng 03 năm 2023

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Căn cứ theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Công ty cổ phần PGT Holdings (Mã CK: PGT)

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp HCM

Công ty Cổ phần PGT Holdings (Sau đây gọi tắt là "PGT") xin được Giải trình biến động kết quả kinh doanh (KQKD) Báo cáo tài chính năm 2022 ("BCTC") sau khi kiểm toán so với báo cáo công ty lập và cùng kỳ năm trước. Bản giải trình này được cung cấp liên quan đến cuộc Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 31 tháng 12 năm 2022 của PGT, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng và Bảng cân đối kế toán hợp nhất năm tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả kinh doanh riêng và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 nhằm mục đích đưa ra kết luận về việc liệu các Báo cáo tài chính năm có phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm hay không.

Các giải trình cụ thể trong thư này giới hạn đối với các vấn đề trọng yếu. Những vấn đề được coi là trọng yếu nếu liên quan tới việc thiếu thông tin kế toán hoặc thiếu tính chính xác của thông tin kế toán có thể ảnh hưởng đến các quyết định của người sử dụng thông tin kế toán, không phân biệt về quy mô. Chúng tôi xác nhận rằng (với sự hiểu biết và tin tưởng cao nhất, chúng tôi đã tìm hiểu những thông tin mà chúng tôi cho là cần thiết để thu được những hiểu biết thích hợp):

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm

Chúng tôi đã hoàn thành các trách nhiệm của mình đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm; cụ thể là các Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm nêu trên đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm. Các nguyên tắc, thông lệ và phương pháp kế toán Công ty đã áp dụng đã được trình bày trên các Báo cáo tài chính năm.

Sau khi kiểm toán Công ty Cổ Phần PGT Holdings giải trình báo cáo tài chính năm 2022 do công ty lập so với báo cáo tài chính được kiểm toán như sau

1. Chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh giữa báo cáo tài chính riêng năm 2022 trước và sau kiểm toán

Chỉ tiêu	Sau Kiểm toán	Trước kiểm toán	Chênh lệch
1	2	3	4 =2-3
Chi phí tài chính	(200,750,753)	498,776,675	(699,527,428)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8,971,318,320	8,659,318,320	312,000,000
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(8,293,395,851)	(8,680,923,279)	387,527,428
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(8,290,971,961)	(8,678,499,389)	387,527,428
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(8,290,971,961)	(8,678,499,389)	387,527,428

Nguyên nhân chênh lệch chủ yếu như sau:

Tại thời điểm lập báo cáo quý 4/2022, công ty chưa đủ dữ liệu chính thức từ các đơn vị liên quan để đánh giá lại khoản đầu tư tài chính dài hạn. Sau khi các công ty con cung cấp Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán. Tổ chức kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin Học MOORE AISCViệt đã thực hiện việc đánh giá lại giá trị hợp lý đối với khoản đầu tư dài hạn cho phù hợp với chuẩn mực kế toán hiện hành.

Dẫn đến lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp sau khi kiểm toán và lợi nhuận sau thuế quý 4/2022 đã công bố chênh lệch tăng 387,527,428 đồng

2. Chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh giữa báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 trước và sau kiểm toán

Chỉ tiêu	Sau Kiểm toán	Trước kiểm toán	Chênh lệch
1	2	3	4 =2-3
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17,446,801,475	17,236,786,341	210,015,134
Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	0
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17,446,801,475	17,236,786,341	210,015,134
Giá vốn hàng bán	13,501,943,132	13,129,572,899	372,370,233
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3,944,858,343	4,107,213,441	-162,355,099
Doanh thu hoạt động tài chính	12,466,756,881	12,589,504,213	-122,747,332
Chi phí tài chính	1,196,209,327	4,180,257,762	-2,984,048,435
Trong đó: chi phí lãi vay	546,683,064	546,683,064	0
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-2,393,554,003	0	-2,393,554,003
Chi phí bán hàng	168,899,307	168,899,307	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14,564,097,447	14,359,485,311	204,612,137
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-1,911,144,861	-2,011,924,725	100,779,864
Thu nhập khác	46,685,816	45,615,783	1,070,032
Chi phí khác	113,790,529	115,033,416	-1,242,887
Lợi nhuận khác	-67,104,713	-69,417,633	2,312,920
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-1,978,249,574	-2,081,342,358	103,092,784
Chi phí thuế TNDN hiện hành	282,505,547	289,550,894	-7,045,346
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0	0
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-2,260,755,121	-2,370,893,252	110,138,130
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	-2,345,360,824	-2,991,790,969	646,430,145
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm	84,605,703	620,897,717	-536,292,014

soát			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-260	634	-634
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	-260	634	-634

Nguyên nhân chênh lệch chủ yếu như sau:

Báo cáo kiểm toán đánh giá lại lợi thế thương mại, khoản đầu tư vào công ty con cho việc đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

3.Chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và năm 2021 báo cáo tài chính đã kiểm toán cụ thể như sau:

Báo cáo hợp nhất

Chỉ tiêu	2022	2021	Chênh lệch
1	2	3	4 = 2-3
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17,446,801,475	828,138,943	16,618,662,532
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17,446,801,475	828,138,943	16,618,662,532
Giá vốn hàng bán	13,501,943,132	639,876,102	12,862,067,030
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3,944,858,343	188,262,841	3,756,595,502
Doanh thu hoạt động tài chính	12,466,756,881	3,095,728,694	9,371,028,187
Chi phí tài chính	1,196,209,327	-	7,357,973,099
Trong đó: chi phí lãi vay	546,683,064	646,783,064	-100,100,000
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-2,393,554,003	-	-2,393,554,003
Chi phí bán hàng	168,899,307	-	168,899,307
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14,564,097,447	8,577,591,192	5,986,506,255
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-1,911,144,861	868,164,115	-2,779,308,976
Thu nhập khác	46,685,816	-	46,685,816
Chi phí khác	113,790,529	2,780,880	111,009,649
Lợi nhuận khác	-67,104,713	-2,780,880	-64,323,833
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-1,978,249,574	865,383,235	-2,843,632,809
Chi phí thuế TNDN hiện hành	282,505,547	-	282,505,547
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-2,260,755,121	865,383,235	-3,126,138,356
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	-2,345,360,824	574,476,476	-2,919,837,300
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	84,605,703	290,906,759	-206,301,056
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-260	65	-325
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	-260	65	-325

27483-C
3 TY
HÀNG
DINGS
HỒ CHÍ MINH

Báo cáo riêng

Chỉ tiêu	2022	2021	Chênh lệch
1	2	3	4 = 2-3
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	142,438,968	276,303,327	(133,864,359)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	142,438,968	276,303,327	(133,864,359)
Giá vốn hàng bán	131,023,636	170,438,180	(39,414,544)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11,415,332	105,865,147	(94,449,815)
Doanh thu hoạt động tài chính	465,756,384	1,213,114,222	(747,244,540)
Chi phí tài chính	(200,750,753)	(1,600,091,031)	1,399,342,264
Trong đó: chi phí lãi vay	546,683,064	273,341,532	(133,864,359)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8,971,318,320	6,137,509,331	2,833,920,301
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(8,293,395,851)	(3,218,438,931)	-5,074,956,920
Thu nhập khác	2,502,872	-	2,502,872
Chi phí khác	78,982	2,755,131	(2,676,149)
Lợi nhuận khác	2,423,890	(2,755,131)	5,179,021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(8,290,971,961)	(3,221,194,062)	(5,069,777,899)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(8,290,971,961)	(3,221,194,062)	(5,069,777,899)

Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư tài chính, các công ty con cũng còn trong giai đoạn cùng cố đầu tư, tuy có cải thiện tuy nhiên với sự khó khăn do đại dịch kéo dài, năm 2022 lại là năm có nhiều biến động về thị trường kinh tế trong và ngoài nước. Nên đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động và doanh thu công ty con của tập đoàn.

Công ty Cổ phần PGT Holdings 

C.P. HN/11

